

# **CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP HỌC TẬP VÀ TRUYỀN THÔNG TOÀN CẦU RINA**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP HỌC TẬP VÀ TRUYỀN THÔNG TOÀN CẦU RINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RINA GLOBAL LEARNING AND COMMUNICATION SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RINA COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110543062

**3. Ngày thành lập:** 15/11/2023

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, Ngõ 616 Đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965 717 838

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230(Chính) |
| 2.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính<br>(Điều 78, 80, 86, 87, 89, 91, 93 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP) | 8559        |
| 3.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (Điều 106 Nghị định 46/2017/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560        |
| 4.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6312        |
| 5.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 6.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 7.  | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7420        |
| 8.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5820        |
| 9.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5911        |
| 10. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5912        |
| 11. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5913        |
| 12. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: CHU THỊ NỤ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040194018061

Ngày cấp: 19/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Xóm 2, Xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 2, Xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CHU THỊ NỤ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040194018061

Ngày cấp: 19/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Xóm 2, Xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 2, Xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội